TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-01-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Phượng

2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Quới là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn: Ông Chau Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021, về tranh chấp "Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ru Cây G (T H), sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 5, ấp G, xã L, huyện T, tỉnh A.

2. Bị đơn: Võ Thanh Đ, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn ngày 11/6/2021, đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 30/12/2021 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ru Cây G trình bày:

Bà và ông Đ qua tự nguyện tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1997, đến ngày 16/8/2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.

Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm và ông Đ hay có tính ghen tuông, bà và ông Đ thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, kéo dài nhiều năm không thể hàn gắn được, bà không còn tình cảm, yêu cầu được ly hôn với ông Võ Thanh Đ.

Về con chung bà và ông Đ có 03 con chung gồm: Võ Văn P sinh ngày 6/6/1998 (đã trưởng thành) nhưng bị khuyết tật không thể tự lao động nuôi sống bản thân; Võ Thị T M, sinh ngày 19/11/2005 và Võ Đào G H, sinh ngày 02/6/2019. Bà G yêu cầu được nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu ông Đcấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có căn nhà nhưng sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Ông Võ Thanh Đ trình bày: Ông thống nhất ý kiến trình bày của bà G về thời gian chung sống, kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông thừa nhận có tính hay ghen tuông không kiềm chế được, thường xuyên chửi vợ và con dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc, nhưng ông vẫn còn rất yêu thương vợ con, ông không đồng ý ly hôn, ông xin được đoàn tụ, nếu bà G kiên quyết ly hôn ông đồng ý ly hôn với điều kiện bà G phải đi ra khỏi nhà để lại căn nhà cho ông sinh sống riêng ông không yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung là ngôi nhà. Về con chung ông đồng ý giao 03 con chung cho bà G nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nhận thấy bà G, ông Đ trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu tổ chức lễ cưới chung sống từ năm 1997 và đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2019.

Trong thời gian chung sống hai bên thường phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông Đ hay ghen tuông dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà G yêu cầu ly hôn với ông Đ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung bà G và ông Đ có 03 con chung tên Võ Văn P sinh ngày 6/6/1998 (đã trưởng thành) nhưng bị khuyết tật không thể tự lao động nuôi sống

bản thân, Võ Thị T M, sinh ngày 19/11/2005 và Võ Đào G H, sinh ngày 02/6/2019, hiện bà G đang nuôi dưỡng, bà Giah có nguyện vọng nuôi 03 con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con; ông Đ đồng ý giao con chung cho bà G nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con, để đảm bảo điều kiện sinh sống, không làm thay đổi môi trường sống của con chung và phù hợp với nguyện vọng của con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà G được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung.

Về tài sản chung bà G và ông Đđều xác định có căn nhà nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 11 tháng 6 năm 2021 bà Ru Cây G có đơn yêu cầu ly hôn với ông Võ Thanh Đ và yêu cầu được quyền nuôi con, ông Đ cư trú tại tổ 5, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh A. Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa bà G và ông Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2019 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà G và ông Đđược xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình được pháp luật thừa nhận bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau, bà G đã nhiều lần vì con cố gắng hàn gắn tình cảm chung sống với ông Đ, nhưng trong suốt thời gian dài hai bên vẫn thiếu niềm tin vào đối phương, ông Đ vẫn hay ghen tuông làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; điều này phù hợp với kết quả Biên bản xác minh ngày 04/01/2022. Mặc dù, tại phiên tòa ông Đ xin được đoàn tụ vì còn rất thương vợ con nhưng lại thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với điều kiện bà G phải đi ra khỏi nhà để lại căn nhà cho ông sinh sống. Xét ngay trong chính ý kiến của ông Đ đã có sự mâu thuẫn, từ đó cho thấy, việc ông Đ xin được đoàn tụ với bà G không thật sự xuất phát từ tình cảm thương vợ, con. Về phía bà G đã nổ lực hàn gắn tình cảm nhưng không thành và hiện tại không còn tình cảm để tiếp tục chung sống duy trì mối quan hệ hôn nhân với ông Đ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà G và ông Đcó 03 con chung gồm Võ Văn P sinh ngày 6/6/1998 (đã trưởng thành) nhưng bị khuyết tật không thể tự lao động nuôi sống bản thân; Võ Thị T M, sinh ngày 19/11/2005 và Võ Đào G H, sinh ngày 02/6/2019, hiện bà G đang nuôi dưỡng, bà G yêu cầu được nuôi dưỡng cả 03

con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con; ông Đ đồng ý giao 03 con chung cho bà G nuôi dưỡng khi Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét về điều kiện nuôi con, căn cứ ý kiến của các đương sự và biên bản xác minh ngày 04/01/2022 về tình trạng hôn nhân của bà G và ông Đ, điều kiện kinh tế thu nhập của bà G và thời gian dành cho việc chăm sóc, nuôi dạy con chung, đảm bảo nên cần chấp nhận giao cho bà G được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung là phù hợp. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà G không có yêu cầu, ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung tại phiên tòa bà G và ông Đ xác định có căn nhà, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không có cơ sở xem xét;

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Ru Cây G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ru Cây G. Bà Ru Cây G được ly hôn với ông Võ Thanh Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2019 ngày 16/8/2019 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Ru Cây G được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba con chung gồm Võ Văn P sinh năm 1998; Võ Thị T M, sinh ngày 19/11/2005 và Võ Đào G H, sinh ngày 02/6/2019.

Ông Võ Thanh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đcó nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung Võ Văn P, Võ Thị T M và Võ Đào G H được sống chung với bà G, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của bà G.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, bà G cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Gcó quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của ông Đ.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Ru Cây G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008044 ngày 17-11-2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Ru Cây G đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- UBND xã Tà Đảnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng